

**ỦY BAN BẦU CỬ  
XÃ THANH HÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/NQ-UBBC

Thanh Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc công bố kết quả bầu cử và danh sách chính thức những người  
trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thanh Hà  
khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031**

**ỦY BAN BẦU CỬ XÃ THANH HÀ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15 ngày 24/6/2025;*

*Căn cứ Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thanh Hà khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031 của Ủy ban bầu cử xã Thanh Hà ngày 17/3/2026.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thanh Hà khoá II, nhiệm kỳ 2026-2031 (có danh sách cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; các tổ chức phụ trách bầu cử; các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban bầu cử thành phố (để báo cáo);
- Sở Nội vụ thành phố (để báo cáo);
- BCĐ của Đảng ủy về bầu cử;
- Các thành viên UBBC xã;
- TT Đảng ủy - TTHĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: UBBC.

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ XÃ  
CHỦ TỊCH**



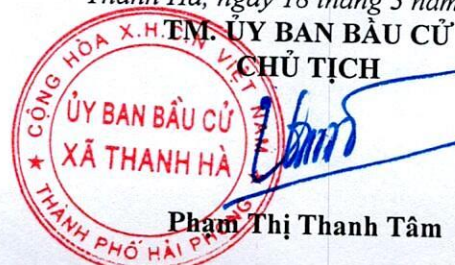
**Phạm Thị Thanh Tâm**

**KẾT QUẢ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THANH HÀ  
KHÓA II, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-UBBC ngày 18/3/2026 của Ủy ban bầu cử xã Thanh Hà)

| STT | Đơn vị bầu cử      | Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND         | Số phiếu bầu | Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ |
|-----|--------------------|--|--------------|-------------------------------------|
| 1   | Đơn vị bầu cử số 1 | 1. Nguyễn Thị Hiền (Sư thầy Thích Diệu Hiền) | 6.298        | 90,26%                              |
|     |                    | 2. Phạm Thị Mây                              | 6.317        | 90,53%                              |
|     |                    | 3. Lê Văn Quân                               | 1.548        | 22,18%                              |
|     |                    | 4. Bùi Thanh Sơn                             | 6.017        | 86,23%                              |
|     |                    | 5. Phạm Thị Thanh Tâm                        | 6.832        | 97,91%                              |
|     |                    | 6. Mạc Văn Thắng                             | 5.856        | 83,92%                              |
|     |                    | 7. Nguyễn Thị Vân                            | 1.085        | 15,55%                              |
|     |                    | 8. Hoàng Thị Yên                             | 762          | 10,92%                              |
| 2   | Đơn vị bầu cử số 2 | 1. Phạm Thị Nam Anh                          | 273          | 6,00%                               |
|     |                    | 2. Đặng Văn Dũng                             | 4.122        | 90,59%                              |
|     |                    | 3. Trần Minh Đức                             | 4.341        | 95,41%                              |
|     |                    | 4. Vũ Thị Hào                                | 4.236        | 93,10%                              |
|     |                    | 5. Nguyễn Thị Huyền                          | 521          | 11,45%                              |
|     |                    | 6. Trần Văn Kỳ                               | 4.287        | 94,22%                              |
|     |                    | 7. Nguyễn Văn Thắng                          | 340          | 7,47%                               |
| 3   | Đơn vị bầu cử số 3 | 1. Vũ Văn Bồi                                | 5.945        | 96,62%                              |
|     |                    | 2. Mạc Văn Chấn                              | 5.854        | 95,14%                              |
|     |                    | 3. Nguyễn Thị Hà                             | 5.923        | 96,26%                              |
|     |                    | 4. Nguyễn Văn Hưng                           | 5.961        | 96,88%                              |
|     |                    | 5. Bùi Thị Thu Hương                         | 5.838        | 94,88%                              |
|     |                    | 6. Trần Thị Luyện                            | 221          | 3,59%                               |
|     |                    | 7. Phạm Thị Phượng                           | 248          | 4,03%                               |
|     |                    | 8. Bùi Thị Thùy Trang                        | 309          | 5,02%                               |
| 4   | Đơn vị bầu cử số 4 | 1. Cao Văn Cường                             | 2.834        | 87,52%                              |
|     |                    | 2. Cao Văn Đại                               | 2.801        | 86,50%                              |
|     |                    | 3. Phạm Thị Giang                            | 509          | 15,72%                              |
|     |                    | 4. Nguyễn Thảo Nguyên                        | 365          | 11,27%                              |
|     |                    | 5. Nguyễn Gia Quyết                          | 2.761        | 85,27%                              |
|     |                    | 6. Trần Văn Sỹ                               | 230          | 7,10%                               |
|     |                    | 7. Trần Duy Thước                            | 3.167        | 97,81%                              |
| 5   | Đơn vị bầu cử số 5 | 1. Phạm Tiến Chung                           | 142          | 3,50%                               |
|     |                    | 2. Nguyễn Thị Hà                             | 3.908        | 96,45%                              |
|     |                    | 3. Bùi Văn Khiêm                             | 3.964        | 97,83%                              |
|     |                    | 4. Nguyễn Thị Thắm                           | 208          | 5,13%                               |
|     |                    | 5. Nguyễn Thị Thơm                           | 3.846        | 94,92%                              |
|     |                    | 6. Nguyễn Đức Toàn                           | 3.933        | 97,06%                              |
|     |                    | 7. Nguyễn Văn Vui                            | 155          | 3,83%                               |

Thanh Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2026



**Phạm Thị Thanh Tâm**

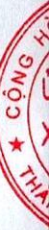
**ỦY BAN BẦU CỬ  
XÃ THANH HÀ**

Mẫu số 26/HĐBC-HĐND  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ  
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THANH HÀ KHÓA II,  
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-UBBC ngày 18/3/2026 của Ủy ban bầu cử xã Thanh Hà)

| STT | Họ và tên     | Đơn vị bầu cử      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán                         | Nơi ở hiện nay                                      | Trình độ           |  |                         |                   |                       | Nghề nghiệp, chức vụ   | Nơi công tác   | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có)  | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------|---------------------|-----------|-----------|---------|----------|----------------------------------|---|--------------------|--|-------------------------|-------------------|-----------------------|--|--|------------------------|--|---------|
|     |               |                    |                     |           |           |         |          |                                  |   | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ  | Học hàm, học vị         | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ             |  |  |                        |  |         |
| 1   | 2             | 3                  | 4                   | 5         | 6         | 7       | 8        | 9                                | 10  | 11                 | 12   | 13                      | 14                | 15                    | 16   | 17   | 18                     | 19   | 20      |
| 1   | VŨ VĂN BÓI    | Đơn vị bầu cử số 3 | 20/01/1974          | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | Thôn Tráng Liệt 2, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 12/12              | Trung cấp nghề Hàn   |                         | Sơ cấp            |                       | Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn Tráng Liệt 2 xã Thanh Hà  | Thôn Tráng Liệt 2, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng            | 18/11/1997             | Không  |         |
| 2   | MẠC VĂN CHẤN  | Đơn vị bầu cử số 3 | 18/7/1985           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Hà Nam, thành phố Hải Phòng   | Thôn Mạc Động, xã Hà Nam, thành phố Hải Phòng       | 12/12              | Đại học chuyên ngành Lịch sử; Đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh; Đại học chuyên ngành Luật | Thạc sĩ Quản lý Kinh tế | Cao cấp           | Đại học Ngôn ngữ Anh  | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Văn phòng Đảng ủy, Chánh Văn phòng Đảng ủy xã Thanh Hà                      | Đảng ủy xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                       | 13/12/2014             | Không  |         |
| 3   | CAO VĂN CƯỜNG | Đơn vị bầu cử số 4 | 10/3/1971           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | Thôn Hào Xá 2, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng     | 12/12              | Đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp   | Thạc sĩ Quản lý kinh tế | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B1 | Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Phó Bí thư Chi bộ cơ quan HĐND xã, Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã Thanh Hà | Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 04/9/1992              | xã Thanh Xá khoá XX, nhiệm kỳ 2011-2016; khoá XXI, nhiệm kỳ 2016-2021, khoá XXII, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Tân khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026. |         |



| STT | Họ và tên     | Đơn vị bầu cử      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán                         | Nơi ở hiện nay  | Trình độ           |  |                          |                   |                       | Nghề nghiệp, chức vụ   | Nơi công tác  | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có)  | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------|---------------------|-----------|-----------|---------|----------|----------------------------------|---|--------------------|--|--------------------------|-------------------|-----------------------|--|---|------------------------|--|---------|
|     |               |                    |                     |           |           |         |          |                                  |   | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ  | Học hàm, học vị          | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ             |  |   |                        |  |         |
| 4   | ĐẶNG VĂN DŨNG | Đơn vị bầu cử số 2 | 02/4/1964           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | Thôn An Lão, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                   | 12/12              | Cao đẳng Chuyên sự chuyên ngành Vượt sông                          |                          | Trung cấp         |                       | Bí thư Chi bộ thôn An Lão xã Thanh Hà  | Thôn An Lão, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                     | 20/4/1986              | xã Thanh Khê khoá XIX, nhiệm kỳ 2004 - 2011; khoá XX, nhiệm kỳ 2011 - 2016; khoá XXI, nhiệm kỳ 2016 - 2021; khoá XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; thị trấn Thanh Hà khoá XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 |         |
| 5   | CAO VĂN ĐẠI   | Đơn vị bầu cử số 4 | 24/9/1992           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | Thôn 4, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                        | 12/12              | Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục Tiểu học; Đại học chuyên ngành Luật |                          | Trung cấp         |                       | Ủy viên Ban Chấp hành Thành đoàn Hải Phòng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng đội xã Thanh Hà | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 05/9/2013              | Thị trấn Thanh Hà khoá XXI, nhiệm kỳ 2016-2021; khoá XXII, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026  |         |
| 6   | TRẦN MINH ĐỨC | Đơn vị bầu cử số 2 | 13/3/1971           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | P76, phố Lê Quát, khu Plaza Phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng | 12/12              | Đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và PTNT                   | Thạc sĩ Kinh tế          | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ B  | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư Chi bộ cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thanh Hà  | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 06/7/1998              | Không  |         |
| 7   | NGUYỄN THỊ HÀ | Đơn vị bầu cử số 3 | 22/11/1975          | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | Thôn Hào Xá 2, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                 | 12/12              | Đại học Sư phạm chuyên ngành Ngữ văn                               | Thạc sĩ Quản lý Giáo dục | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ A2 | Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường THCS Thanh Sơn, xã Thanh Hà  | Trường THCS Thanh Sơn, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng           | 19/5/2002              | Không  |         |

| STT | Họ và tên                                 | Đơn vị bầu cử      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo  | Quê quán                         | Nơi ở hiện nay  | Trình độ           |   |                             |                   |                       | Nghề nghiệp, chức vụ   | Nơi công tác   | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HDND (nếu có)   | Ghi chú |
|-----|---|--------------------|---------------------|-----------|-----------|---------|-----------|----------------------------------|---|--------------------|---|-----------------------------|-------------------|-----------------------|--|--|------------------------|---|---------|
|     |   |                    |                     |           |           |         |           |                                  |   | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ   | Học hàm, học vị             | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ             |  |  |                        |   |         |
| 8   | NGUYỄN THỊ HÀ                             | Đơn vị bầu cử số 5 | 13/01/1977          | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không     | Xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng   | Thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng            | 12/12              | Đại học chuyên ngành Tâm lý giáo dục                              |                             | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ B  | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Trưởng Ban Xây dựng Đảng, Bí thư Chi bộ Ban Xây dựng Đảng - Trung tâm Chính trị xã Thanh Hà       | Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng       | 06/6/2002              | huyện Thanh Hà khoá XIX, nhiệm kỳ 2016-2021; khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026.   |         |
| 9   | VŨ THỊ HẢO                                | Đơn vị bầu cử số 2 | 26/7/1984           | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không     | Xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng   | Thôn 3, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                  | 12/12              | Đại học chuyên ngành Quản lý đất đai                              |                             | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B  | Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Phó Chủ tịch UBND xã Thanh Hà  | Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                 | 14/9/2012              | huyện Thanh Hà khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026  |         |
| 10  | NGUYỄN THỊ HIỀN (SƯ THẦY THÍCH DIỆU HIỀN) | Đơn vị bầu cử số 1 | 04/01/1968          | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Phật giáo | Xã An Thành, thành phố Hải Phòng | Chùa Minh Khánh, thôn 3, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 12/12              | Trung cấp Phật giáo   |                             |                   |                       | Tu sĩ  | Trụ trì Chùa Minh Khánh thôn 3, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng |                        | thị trấn Thanh Hà khoá XIX, nhiệm kỳ 2004 - 2011; khoá XX, nhiệm kỳ 2011 - 2016; khoá XXI, nhiệm kỳ 2016 - 2021; khoá XXII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021 - 2026. |         |
| 11  | NGUYỄN VĂN HƯNG                           | Đơn vị bầu cử số 3 | 26/11/1971          | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không     | Xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng   | Thôn An Lại, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng               | 12/12              | Đại học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học; Đại học chuyên ngành Luật | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ A2 | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng bộ các cơ quan Đảng, Bí thư Chi bộ cơ quan HDND xã, Phó Chủ tịch HDND xã Thanh Hà | Hội đồng nhân dân xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng               | 30/4/2003              | huyện Thanh Hà khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026.   |         |

| STT | Họ và tên         | Đơn vị bầu cử      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán                         | Nơi ở hiện nay  | Trình độ           |  |                             |                   |                                     | Nghề nghiệp, chức vụ  | Nơi công tác  | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có)   | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------|---------------------|-----------|-----------|---------|----------|----------------------------------|---|--------------------|--|-----------------------------|-------------------|-------------------------------------|---|---|------------------------|---|---------|
|     |                   |                    |                     |           |           |         |          |                                  |   | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ  | Học hàm, học vị             | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ                           |   |   |                        |   |         |
| 12  | BÙI THỊ THU HƯƠNG | Đơn vị bầu cử số 3 | 30/3/1979           | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Hà Nam, thành phố Hải Phòng   | Thôn 6, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng              | 12/12              | Đại học chuyên ngành Công tác xã hội   |                             | Trung cấp         |                                     | Phó Trưởng ban Văn hóa - Xã hội HĐND xã Thanh Hà  | Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng   | 02/9/2007              | thị trấn Thanh Hà khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 |         |
| 13  | TRẦN VĂN KỶ       | Đơn vị bầu cử số 2 | 20/5/1971           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | Thôn 1, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng              | 12/12              | Đại học chuyên ngành Quản lý xã hội; Đại học chuyên ngành Giáo dục Chính trị | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ B                | Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy UBND xã, Bí thư Chi bộ, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thanh Hà   | Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 28/7/1998              | Không   |         |
| 14  | BÙI VĂN KHIÊM     | Đơn vị bầu cử số 5 | 03/7/1979           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Hà Nam, thành phố Hải Phòng   | Thôn 6, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng              | 12/12              | Đại học chuyên ngành Văn hóa quản chúng; Đại học chuyên ngành Kế toán        | Thạc sĩ Quản lý kinh tế     | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ B1               | Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Thanh Hà  | Đảng ủy xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                      | 19/5/2000              | huyện Thanh Hà khóa XIX, nhiệm kỳ 2016-2021   |         |
| 15  | PHẠM THỊ MÂY      | Đơn vị bầu cử số 1 | 20/7/1980           | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng   | 51, Lý Anh Tông, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng | 12/12              | Đại học chuyên ngành Luật học  | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ B1 khung Châu Âu | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan Đảng, Bí thư Chi bộ cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã Thanh Hà | Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng      | 17/02/2009             | xã Thanh Xá khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026       |         |



| STT | Họ và tên          | Đơn vị bầu cử      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán                             | Nơi ở hiện nay   | Trình độ           |  |                          |                   |                      | Nghề nghiệp, chức vụ  | Nơi công tác   | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có)  | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------|---------------------|-----------|-----------|---------|----------|--------------------------------------|--|--------------------|--|--------------------------|-------------------|----------------------|---|--|------------------------|--|---------|
|     |                    |                    |                     |           |           |         |          |                                      |  | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ                    | Học hàm, học vị          | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ            |   |  |                        |  |         |
| 16  | NGUYỄN GIA QUYẾT   | Đơn vị bầu cử số 4 | 25/10/1976          | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng     | Thôn Hào Xá 4, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng        | 12/12              | Đại học, chuyên ngành Luật               |                          | Trung cấp         |                      | Bí thư Chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn Hào Xá 4 xã Thanh Hà                           | Thôn Hào Xá 4, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                  | 03/02/1999             | Không  |         |
| 17  | BÙI THANH SƠN      | Đơn vị bầu cử số 1 | 13/10/1976          | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng     | Thôn 7, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng               | 12/12              |  |                          | Sơ cấp            |                      | Phó Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn 7, Tổ trưởng tổ ANTT thôn 7 xã Thanh Hà                          | Thôn 7, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                         | 06/01/2024             | Không  |         |
| 18  | PHẠM THỊ THANH TÂM | Đơn vị bầu cử số 1 | 21/4/1974           | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Khúc Thừa Dụ, thành phố Hải Phòng | Số 30 Lý Quốc Sư, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng | 12/12              | Đại học chuyên ngành Tâm lý giáo dục     | Thạc sĩ Quản lý giáo dục | Cao cấp           | Tiếng Anh trình độ B | Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Thanh Hà | Đảng ủy xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                         | 26/12/1996             | Tỉnh Hải Dương khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026; thành phố Hải Phòng khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khóa I nhiệm kỳ 2021-2026                        |         |
| 19  | MẠC VĂN THĂNG      | Đơn vị bầu cử số 1 | 25/12/1969          | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng     | Thôn Hào Xá 2, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng        | 12/12              | Đại học chuyên ngành Quản trị Kinh doanh |                          | Sơ cấp            |                      | Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Xá                        | Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Xá, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 14/12/1992             | Không  |         |
| 20  | NGUYỄN THỊ THƠM    | Đơn vị bầu cử số 5 | 14/7/1986           | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng     | Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng        | 12/12              | Đại học chuyên ngành Quản lý đất đai     |                          | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B | Phó Chủ tịch Hội LHPN xã Thanh Hà, Bí thư Chi bộ thôn Lại Xá 1                                  | Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng                  | 06/02/2017             | xã Thanh Thủy khoá XXI, nhiệm kỳ 2016-2021; khoá XXII, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Tân khoá I, nhiệm kỳ 2021 - 2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026 |         |

| STT | Họ và tên       | Đơn vị bầu cử      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán                        | Nơi ở hiện nay  | Trình độ           |  |                          |                   |                      | Nghề nghiệp, chức vụ  | Nơi công tác                                     | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có)   | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------|---------------------|-----------|-----------|---------|----------|---------------------------------|---|--------------------|--|--------------------------|-------------------|----------------------|---|--|------------------------|---|---------|
|     |                 |                    |                     |           |           |         |          |                                 |   | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ  | Học hàm, học vị          | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ            |   |  |                        |   |         |
| 21  | TRẦN DUY THUỘC  | Đơn vị bầu cử số 4 | 17/11/1978          | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh | Số 10, Lý Quốc Sư, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng | 12/12              | Đại học chuyên ngành Toán học; Đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh | Thạc sĩ Quản lý giáo dục | Cao cấp           | Đại học Ngôn ngữ Anh | Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Thanh Hà                                       | Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng | 13/02/2003             | huyện Thanh Hà khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026; xã Thanh Hà khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026. |         |
| 22  | NGUYỄN ĐỨC TOÀN | Đơn vị bầu cử số 5 | 17/7/1978           | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng  | Thôn Cô Chằm 1, xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng          | 12/12              | Đại học Cảnh sát chuyên ngành điều tra tội phạm                  |                          | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Công an xã, Trưởng Công an xã Thanh Hà | Công an xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng         | 07/7/2003              | Không   |         |

Số đại biểu được bầu của HĐND xã Thanh Hà: 22 đại biểu.  
 Tổng số người trúng cử trong danh sách này là: 22 người.

Thanh Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2026  
**TM. ỦY BAN BẦU CỬ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Phạm Thị Thanh Tâm**